

DỰ THẢO

(Những nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi)

QUY CHẾ

VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../.../QĐ-UBND ngày .../.../2021 của UBND tỉnh
Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định đối tượng, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền, trình tự, thời gian, nội dung, thủ tục, tổ chức trao thưởng, quyền và nghĩa vụ, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại tố cáo, thu hồi, cấp đổi, cấp lại hình thức khen thưởng trong công tác thi đua, khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Công dân Việt Nam, các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, gia đình, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức Quốc tế ở Việt Nam có thành tích tiêu biểu xuất sắc đóng góp vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn quốc phòng - an ninh tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị thành viên là đơn vị trong một cụm, khối thi đua hoặc cùng tham gia thực hiện một chuyên đề thi đua.
2. Tập thể nhỏ là tập thể có quy mô nhỏ ở cơ sở, bao gồm một số cá nhân cùng thực hiện một nhiệm vụ (tổ, đội, *phân xưởng sản xuất*; phòng, khoa thuộc bệnh viện cấp huyện, bệnh viện cấp tỉnh; tiểu đội thuộc lực lượng vũ trang nhân dân; đội thuộc công an cấp huyện....); là tập thể từ cấp phòng, ban, đơn vị thuộc các sở, ban, ngành, các tổ chức kinh tế, Ủy ban nhân dân *các huyện, thành phố* và tương đương trở xuống.
3. Cá nhân lao động trực tiếp là công nhân, nông dân, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang; công chức, viên chức không giữ chức vụ quản lý, nhân viên, người lao động thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân *các huyện, thành phố*, các đơn vị thuộc tỉnh.
4. Lãnh đạo sở, ban, ngành, các tổ chức kinh tế, Ủy ban nhân dân *các huyện, thành phố*, đơn vị thuộc tỉnh là các cá nhân giữ chức vụ từ Phó Giám đốc các sở, ban, ngành, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân *các huyện, thành phố* và tương đương trở lên (gọi tắt là lãnh đạo diện tỉnh quản lý).

5. Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ trước khi quyết định khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng.

Điều 4. Nguyên tắc thi đua

1. Tự nguyện, tự giác, công khai.
2. Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.
3. Thi đua có kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu, thời hạn và tiêu chí cụ thể.

Điều 5. Nguyên tắc khen thưởng

1. Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời; bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng; kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.
 2. Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được.
 3. Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ, công chức, viên chức, nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, công nhân lao động giỏi, lao động sáng tạo ở vùng khó khăn, vùng đồng bào ở cơ sở khi đề nghị khen thưởng chuyên đề cấp tỉnh.
 4. Không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được. Chỉ lấy kết quả khen thưởng về thành tích toàn diện để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả phong trào thi đua theo đợt được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để đề nghị nâng mức khen thưởng lần sau.
- Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.
5. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.
 6. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung.

7. Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng, nhưng không quá hai lần được tặng bằng khen chuyên đề của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong một năm (trừ khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo niên hạn) đối với tập thể và cá nhân.
8. Không xét khen thưởng sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn, hội thao, hội diễn, hội thi. Ngoại trừ các trường hợp thực hiện theo ý kiến chỉ đạo *bằng văn bản* của Tỉnh ủy *hoặc* Ủy ban nhân dân tỉnh.
9. Tập thể, cá nhân đã trình bộ, ban ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng thì không trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.
10. Xét khen thưởng cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.
11. Kết quả đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức là căn cứ để làm cơ sở xét thi đua, khen thưởng. Các cơ quan, đơn vị sau khi đánh giá phải ban hành quyết định công nhận kết quả xếp loại đối với các cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị.
12. Chuyên đề thi đua do cấp nào phát động thì cấp đó xét khen thưởng. Trường hợp tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, phạm vi ảnh hưởng lớn đối với tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét khen thưởng. Không khen thưởng các chuyên đề công tác khi không đăng ký với Ủy ban nhân dân tỉnh; không có văn bản chỉ đạo, kế hoạch sơ, tổng kết của cơ quan chủ trì, phát động; chuyên đề được phát động không xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, chỉ tiêu, thời gian thực hiện, chưa có thống nhất hướng dẫn về tiêu chí, số lượng trình khen thưởng của *Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng)*.
13. Không xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được đối với các đơn vị ngoài cụm, khối thi đua tỉnh Đồng Nai.

Điều 6. Căn cứ để xét danh hiệu thi đua, khen thưởng

1. Căn cứ để xét danh hiệu thi đua

- a) Phong trào thi đua;
- b) Đăng ký tham gia thi đua;
- c) Thành tích thi đua;
- d) Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

2. Căn cứ để xét khen thưởng

- a) Tiêu chuẩn khen thưởng;
- b) Phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích;
- c) Trách nhiệm và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

Điều 7. Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- a) Cờ thi đua của Chính phủ;
- b) Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- c) Tập thể lao động xuất sắc; đơn vị quyết thắng;
- d) Tập thể lao động tiên tiến, đơn vị tiên tiến;
- đ) Ấp, khu phố văn hóa.

2. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

- a) Chiến sĩ thi đua toàn quốc;
- b) *Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh;*
- c) Chiến sĩ thi đua cơ sở;
- d) Lao động tiên tiến, chiến sĩ tiên tiến.

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là gia đình văn hóa.

Điều 8. Hình thức khen thưởng

Các hình thức khen thưởng:

- 1. Huân chương.
- 2. Huy chương.
- 3. Danh hiệu Vinh dự nhà nước.
- 4. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
- 5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- 6. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã; giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân *các huyện, thành phố*; giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.
- 7. Hình thức khen thưởng được xét tặng khi kết thúc năm công tác, kết thúc một chuyên đề thi đua hoặc một đợt thi đua, khen đợt xuất, khen phục vụ nhiệm vụ chính trị.

Điều 9. Về công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

- 1. Việc xét, công nhận sáng kiến thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, công nhận.

2. Việc xét, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành.

Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên, được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao, đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để xét, tặng danh hiệu thi đua. Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp cơ sở thì xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; ở cấp tỉnh thì xét, tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; ở cấp toàn quốc thì đề nghị xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

4. Căn cứ quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và phạm vi ảnh hưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng với các hình thức khen thưởng theo quy định.

Điều 10. Thời gian, nội dung đăng ký thi đua

1. Thời gian đăng ký thi đua:

- a) Trước ngày 30 tháng 3 hàng năm đối với các đơn vị xét thi đua theo năm công tác;
- b) Trước ngày 30 tháng 10 hàng năm đối với các đơn vị xét thi đua theo năm học.

2. Nội dung đăng ký thi đua gồm:

a) Đối với tập thể

- Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- Thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao: Nêu cụ thể mức phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu do cơ quan có thẩm quyền giao hoặc các nhiệm vụ, chỉ tiêu tự xây dựng và được cơ quan cấp trên chấp thuận.
- Công tác thi đua, khen thưởng: Công tác chỉ đạo tổ chức, tổ chức phong trào thi đua, các giải pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng; thực hiện quán triệt, học tập, phổ biến Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành; công tác xây dựng

và nhân rộng điển hình tiên tiến, kiểm tra đôn đốc, sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng.

- Xây dựng cơ quan, tổ chức Đảng, các đoàn thể.
- Tham gia công tác xã hội tại địa phương.
- Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

b) Đối với cá nhân

- Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chấp hành quy định của cơ quan, rèn luyện về phẩm chất, đạo đức lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ được giao, tham gia các phong trào do cơ quan, đoàn thể, địa phương nơi cư trú phát động.
- Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng công nghệ mới hoặc giải pháp để thực hiện nhiệm vụ.
- Tham gia xây dựng cơ quan, tổ chức Đảng, các đoàn thể.
- Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Điều 11. Thời gian gửi báo cáo sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng

1. Thời gian gửi báo cáo sơ kết

a) *Các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc cụm, khối thi đua của tỉnh* chậm nhất ngày 30 tháng 5;

b) Các cụm, khối thi đua tỉnh chậm nhất ngày 15 tháng 6.

2. Thời gian gửi báo cáo tổng kết

a) *Các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc cụm, khối thi đua của tỉnh* chậm nhất ngày 15 tháng 12;

b) Các cụm, khối thi đua tỉnh chậm nhất ngày 31 tháng 12.

Điều 12. Thời gian trình hồ sơ khen thưởng cấp tỉnh và cấp nhà nước

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân *các huyện, thành phố*, cơ quan đơn vị, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang nhân dân (bao gồm Quân sự tỉnh, Công an tỉnh) chậm nhất ngày 31 tháng 3 hàng năm.

2. *Ngành giáo dục và đào tạo* trình khen khi kết thúc năm học chậm nhất ngày 30 tháng 7 hàng năm.

3. Các cụm, khối thi đua tỉnh chậm nhất *ngày 15 tháng 02 hàng năm*.

Điều 13. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Tổ chức thi đua, khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước; lợi dụng thi đua, khen thưởng để vụ lợi.
2. Cản trở hoặc ép buộc tham gia các phong trào thi đua.
3. Kê khai gian dối, làm giả hồ sơ, xác nhận, đề nghị sai trong thi đua, khen thưởng.
4. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị, quyết định khen thưởng trái pháp luật.
5. Lãng phí tài sản của Nhà nước, của tập thể trong thi đua, khen thưởng.

Điều 14. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo và phát động phong trào thi đua, khen thưởng và đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trên phạm vi toàn tỉnh.
2. Lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân *các huyện, thành phố*; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Giám đốc doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các tổ chức hội từ tỉnh đến cơ sở chủ trì tổ chức phát động phong trào thi đua, tổ chức tuyên truyền nhân rộng các điển hình tiên tiến, giữ vững và phát huy tác dụng của các điển hình trong hoạt động thực tiễn, chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phạm vi quản lý để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định của pháp luật.
3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và tổ chức xã hội các cấp có trách nhiệm:
 - a) Tổ chức và phối hợp với cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng điển hình tiên tiến;
 - b) Tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên và Nhân dân trong tỉnh tích cực tham gia các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;
 - c) Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng

1. *Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng)* căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 05 năm và nhiệm vụ chính trị được giao để tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức các phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt, thi đua chuyên đề chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; thẩm định thành tích trình khen thưởng; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong phạm vi toàn tỉnh; thực hiện lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham

gia phong trào thi đua; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý công tác thi đua, khen thưởng.

2. Bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng các sở, ban, ngành, các tổ chức kinh tế, Ủy ban nhân dân *các huyện, thành phố* có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng cùng cấp về chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức phong trào thi đua, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện, thẩm định thành tích khen thưởng; tham mưu công tác sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong phạm vi quản lý; thực hiện lưu trữ hồ sơ, tài liệu thi đua, khen thưởng theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ quan thông tin đại chúng

Các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền pháp luật về thi đua, khen thưởng; tình hình công tác thi đua, khen thưởng, phổ biến kinh nghiệm, cách làm hay của các điển hình tiên tiến, nêu gương người tốt việc tốt, phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng đồng thời đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA

Điều 17. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ đột xuất hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

Cơ quan chủ trì công tác thi đua chuyên đề phối hợp với *Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng)* thẩm định trước khi tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch, chương trình, biện pháp tổ chức phong trào thi đua, sơ kết, tổng kết, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện, thẩm định thành tích xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 18. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm triển khai tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý và một số nội dung sau:

1. Tổ chức phong trào thi đua phải gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, tổ chức và có tính khả thi, có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền; nội dung bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm đề ra chỉ tiêu, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tập thể, cá nhân.
2. Triển khai nhiều biện pháp tuyên truyền, vận động các đối tượng tham gia và đảm bảo các điều kiện vật chất, tinh thần cho phong trào. Thường xuyên theo dõi quá trình tổ chức thực hiện; chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức; các phương tiện thông tin đại chúng trong việc phát hiện nhân tố mới, điển hình tiên tiến để tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, hiệu quả để mọi người học tập. Việc phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.
3. Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, hiệu quả, ý nghĩa, tác dụng; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua. Dân chủ, khách quan, công khai bình xét, công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc.

Điều 19. Tổ chức cụm, khối thi đua

1. *Tổ chức các cụm, khối thi đua tỉnh là các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh, huyện, thành phố, doanh nghiệp thuộc tỉnh, doanh nghiệp Trung ương, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.*

2. Tổ chức các cụm, khối thi đua cấp huyện

Việc tổ chức và chỉ đạo hoạt động của cụm, khối thi đua các đơn vị thuộc và trực thuộc do Ủy ban nhân dân *các huyện, thành phố* thực hiện. Căn cứ tình hình thực tế địa phương và đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân *các huyện, thành phố* tổ chức chia cụm, khối thi đua, bảo đảm phù hợp và hoạt động có hiệu quả.

3. *Tổ chức khối thi đua các phòng, ban, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các doanh nghiệp và tương đương căn cứ vào chỉ tiêu phân bổ số lượng Cờ thi đua xuất sắc cấp tỉnh và tình hình thực tế của đơn vị để ban hành Quyết định thành lập các khối thi đua trực thuộc.*

4. Cụm, khối thi đua hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển, có nhiệm vụ phối kết hợp tổ chức trong phong trào thi đua, xây dựng nhân rộng điển hình tiên tiến, bình chọn suy tôn đơn vị dẫn đầu để Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng cờ thi đua.

5. *Giao Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng)* căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hoạt động của cụm, khối thi đua theo hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Chương III

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 20. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Luật Thi đua, khen thưởng.
2. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.
3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.
4. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.
5. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ). Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.
6. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 21. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”;
2. Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn

vị hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

3. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” do người có thẩm quyền quyết định danh hiệu thi đua căn cứ vào tình hình thực tiễn quy định cho phù hợp, nhưng không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” trong đơn vị, ngành.

Điều 22. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh

1. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có ba lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở tính đến năm xét khen thưởng.
- Có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được Hội đồng công nhận sáng kiến tỉnh Đồng Nai công nhận.

2. Cá nhân được đề nghị công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh phải có số phiếu bầu chọn đạt tỷ lệ 90% nhất trí trở lên trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 23. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ).

Điều 24. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét tặng cho:

- a) Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh và tương đương; tập thể của đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh và tương đương;
- b) Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã;
- c) Các đơn vị trực thuộc cấp xã; các tổ thuộc trường trung học cơ sở, tiểu học, mẫu giáo, mầm non;
- d) Các đơn vị trực thuộc, phòng, phân xưởng, tổ đội thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” được xét tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

3. Tiêu chuẩn

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch được giao;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

đ) Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các Điểm a, b và d Khoản này và có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” thì được xét tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”.

Điều 25. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) “Tập thể Lao động xuất sắc” là tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”;

b) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

c) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

d) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân trong tập thể, đơn vị đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”;

đ) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị xử phạt hành chính, bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

e) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng cho các đối tượng

a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh, công ty có vốn đầu tư nước ngoài (trừ trường hợp tập đoàn kinh tế, tổng công ty, các doanh nghiệp là thành viên cụm, khối thi đua của tỉnh) và hợp tác xã, quỹ tín dụng...

- Các đơn vị trực thuộc như doanh nghiệp, xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng, đội... thuộc công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh, công ty có vốn đầu tư nước ngoài.

b) Đối với cấp tỉnh gồm: Phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan Đảng cấp tỉnh và tương đương.

c) Đối với cấp huyện gồm: Phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

d) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng.

3. Danh hiệu "Đơn vị quyết thắng" xét tặng cho tập thể cán bộ - chiến sĩ Công an xã, thị trấn (nơi không bố trí lực lượng công an chính quy), bảo vệ dân phố thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công an.

Điều 26. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho các đơn vị dẫn đầu các cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm;
- b) Có nhân tố mới, mô hình mới hoạt động hiệu quả để các đơn vị khác học tập;
- c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;
- d) Được các đơn vị trong cụm, khối thi đua suy tôn là đơn vị tiêu biểu dẫn đầu.

2. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho các tập thể tiêu biểu trong phong trào thi đua chuyên đề do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết hoặc trong các trường hợp đặc biệt, theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho các tập thể thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương dẫn đầu toàn diện phong trào thi đua năm, số lượng Cờ phân bổ như sau:

STT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG CỜ
1	Cấp huyện: - Khối các cơ quan thuộc Đảng, Mặt trận, các đoàn thể, các tổ chức hội, phòng, ban và đơn vị sự nghiệp - Khối xã, phường, thị trấn: + Từ 01 đến 10 đơn vị: 01 Cờ + 11 đến 20 đơn vị: 02 Cờ + 21 đơn vị trở lên: 03 Cờ	02 01 02 03
2	Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể cấp tỉnh, Đảng ủy khối, trường đại học, cao đẳng và các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh - Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc từ 01 đến 10 đơn vị - Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc từ 11 đến 20 đơn vị	01 02

STT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG CỜ
	- Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc từ 21 đến 29 đơn vị	03
	- Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc từ 30 đơn vị trở lên	04
3	Liên minh Hợp tác xã tỉnh 05 khối các hợp tác xã	05
4	Khen thưởng theo năm học - Đối với các trường học, đơn vị giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. - Đối với các trường học trực thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.	05 03 (thành phố Biên Hòa: 05)
5	Tặng Cờ thi đua cho các cơ quan, đơn vị, địa phương dẫn đầu phong trào “Thi đua quyết thắng” của lực lượng vũ trang	07
6	Tặng Cờ thi đua xuất sắc trong phong trào thi đua “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” - Công an xã, phường, thị trấn - Ban bảo vệ dân phố xã, phường, thị trấn - Dân phòng xã, phường, thị trấn	03 02 02
7	Tặng Cờ thi đua cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp dẫn đầu tỉnh trong phong trào thi đua “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”	03
8	<i>Tặng Cờ thi đua cho đơn vị thuộc khối thi đua doanh nghiệp, bưu chính, viễn thông (Giao Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thành lập khối và trình khen thưởng)</i>	01

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, tặng cờ.

Điều 27. Cờ thi đua của Chính phủ

Cờ thi đua của Chính phủ thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 28. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Ấp, khu phố văn hóa”

Căn cứ quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Áp, khu phố văn hóa” phù hợp với đặc điểm cụ thể của địa phương.

Điều 29. Thẩm quyền quyết định công nhận các danh hiệu thi đua

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, “Chiến sĩ thi đua tỉnh Đồng Nai” cho tập thể, cá nhân thuộc tỉnh do cụm, khối thi đua tỉnh, cấp dưới trực tiếp (hoặc tương đương) đề nghị; xem xét trình Chính phủ quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.
3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, quỹ tín dụng nhân dân, hợp tác xã trực tiếp quản lý xem xét, quyết định công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” cho tập thể người lao động và công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” cho người lao động làm việc tại công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh nước ngoài; hợp tác xã trong các ngành nghề nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, dịch vụ, thương mại...
5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu “Áp, khu phố văn hóa”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.
6. Đối với cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quản lý của cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.
7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”.

Chương IV

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 30. Các loại hình khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Riêng loại hình khen thưởng thành tích đặc biệt xuất sắc sẽ thực hiện việc khen thưởng đối với các trường hợp cụ thể như sau:

1. Gương người tốt việc tốt tiêu biểu toàn tỉnh.

2. Đóng góp lớn cho hoạt động xã hội từ thiện.
3. Đạt giải cao trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn.
4. Lập chiến công lớn trong chiến đấu, có thành tích xuất sắc trong phục vụ chiến đấu.
5. Giúp các địa phương khắc phục thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn... có hiệu quả.

Điều 31. Điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng

1. Tiêu chuẩn khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và đảm bảo áp dụng phù hợp với từng mức hạng, từng loại thành tích tương xứng với kết quả đạt được trong phong trào thi đua, tương xứng với mức độ công lao đóng góp, cống hiến cho sự nghiệp chung của đất nước, của địa phương; thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức hạng khen thưởng cao; không nhất thiết phải theo tuần tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới khen thưởng mức cao; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau.
2. Căn cứ vào dịp kỷ niệm ngày lễ lớn của đất nước, ngày thành lập, ngày truyền thống (năm chẵn, năm tròn) của tỉnh hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị để đề nghị các hình thức khen thưởng phù hợp với thành tích đã đạt được.

Điều 32. Giấy khen

Giấy khen thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 33. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ theo công trạng và thành tích đạt được

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.
2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2, Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 34. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua

1. Bằng khen tặng cho cá nhân, tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:
 - a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
 - b) Đạt thành tích xuất sắc, được bình xét trong các phong trào thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động;
 - c) Đối với phong trào thi đua, cơ quan chủ trì phát động phối hợp với Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) ban hành hướng dẫn.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong phong trào thi đua của các cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân là *đối tượng trực tiếp tham gia* và đạt giải cao các cuộc thi, hội thi, chương trình, hội diễn, liên hoan... đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Tập thể, cá nhân đạt giải nhất, nhì, ba (hoặc tương đương) tại các kỳ thi cấp Quốc tế, châu lục, khu vực châu lục;
- b) Tập thể, cá nhân đạt giải nhất, nhì, ba (hoặc tương đương) tại các kỳ thi cấp toàn quốc;
- c) Tập thể, cá nhân đạt giải nhất, nhì (hoặc tương đương) tại các kỳ thi cấp khu vực;
- d) *Tập thể, cá nhân đạt giải nhất (hoặc tương đương) tại các cuộc thi, chương trình, hội thi, hội diễn liên hoan cấp tỉnh trở lên do các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh đăng cai tổ chức theo định kỳ.*

Nếu trong các cuộc thi, chương trình, hội thi, hội diễn, kỳ thi đã quy định mức tiền thưởng từ kinh phí được duyệt (hoặc kinh phí xã hội hóa) cao hơn mức thưởng “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” thì chỉ được tặng bằng khen, kèm tiền thưởng của Ban Tổ chức cuộc thi, chương trình, hội thi, hội diễn, kỳ thi.

Trong một cuộc thi, chương trình, hội thi, liên hoan, trường hợp tập thể, cá nhân tham dự và đạt giải cao ở nhiều nội dung thì chỉ xét tặng 01 bằng khen cho thành tích cao nhất.

4. Khen thưởng cho học sinh giỏi đạt giải tại các kỳ thi và giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi đạt giải thưởng được thực hiện theo quy định riêng của tỉnh.

5. Khen thưởng đại hội, tổng kết nhiệm kỳ

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân tại đại hội (do tỉnh tổ chức), tổng kết nhiệm kỳ đạt các tiêu chuẩn sau: Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian tham gia hoạt động của nhiệm kỳ;

b) Đối tượng khen thưởng: Tập thể, cá nhân báo cáo tham luận điển hình tiên tiến tại đại hội; cá nhân trong ban chấp hành không tham gia nhiệm kỳ khóa mới (thời gian tham gia phải đủ nhiệm kỳ).

6. Khen kỷ niệm ngày thành lập hoặc ngày truyền thống của ngành, địa phương, đơn vị

a) *Các ngành, địa phương, đơn vị có tổ chức lễ kỷ niệm ngày thành lập hoặc ngày truyền thống vào năm tròn (10 năm, 20 năm, 30 năm,...); xây dựng kế hoạch tổ chức lễ kỷ niệm và xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Tỉnh ủy về việc tổ chức lễ kỷ niệm và đề nghị khen thưởng;*

b) Cá nhân được xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có ít nhất 05 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong thời gian công tác tại đơn vị.
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ và có thời gian công tác từ 10 năm trở lên tại đơn vị.

c) Tập thể được xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, là tập thể tiêu biểu xuất sắc và có thời gian thành lập tương ứng với số năm kỷ niệm. 7. Bằng khen cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Lập được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn xã, phường, thị trấn, cơ quan đơn vị, tổ chức doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Là nông dân tiêu biểu, có mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ được một hộ nông dân thoát nghèo hoặc tạo việc làm thường xuyên và có thu nhập ổn định cho 02 lao động trở lên;
- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua “Lao động sản xuất kinh doanh giỏi”.

8. Các trường hợp khen đối ngoại và các trường hợp đặc biệt khác phải có ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp khen thưởng cho người nước ngoài cần lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan trước khi trình khen thưởng.

9. Khen thưởng hoạt động xã hội từ thiện

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể (hoặc hộ gia đình), cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản (quy đổi ra tiền) cho địa phương, xã hội, cụ thể đạt một trong các tiêu chuẩn như sau:

- Đối với tập thể (hoặc hộ gia đình) trong năm có mức đóng góp từ 120 triệu đồng trở lên. Đối với cá nhân trong năm có mức đóng góp từ 80 triệu đồng trở lên. Đối với doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp trong năm có mức đóng góp tương ứng là 300 triệu đồng trở lên. Trường hợp trong năm đã được tặng bằng khen thì lần sau đóng góp phải cao hơn lần trước (ít nhất 20%);
- Đối với thành tích vận động, đóng góp ngày công lao động sẽ được xem xét từng trường hợp cụ thể (theo quy đổi giá trị ngày công ra tiền công).

b) Tập thể (hoặc hộ gia đình), cá nhân đóng góp cho địa phương nào, địa phương đó khen thưởng. Đơn vị, địa phương lập danh sách, trình Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen khi tập thể (hoặc hộ gia đình), cá nhân đạt các yêu cầu quy định tại Điểm a, Khoản 9 Điều này.

10. Khen thưởng đại biểu và tổ chức Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho đại biểu HĐND tỉnh có thành tích xuất sắc trong hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh hàng năm, có **02 năm** liên tục trở lên được Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh **đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ** và năm liền trước đó chưa được tặng bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Tỷ lệ xét khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là 30% trên tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có **02 năm** liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho đại biểu HĐND tỉnh có thành tích xuất sắc trong hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh trong nhiệm kỳ, có **05 năm** liên tục trở lên được Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh **đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ**. Tỷ lệ xét khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là 30% trên tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có **05 năm** liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiệm kỳ.

c) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho **tổ chức Hội đồng nhân dân tỉnh** có thành tích xuất sắc trong hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh hàng năm, có **02 năm** liên tục trở lên được Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh **đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ** và năm liền trước đó chưa được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Tỷ lệ xét khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là 60% trên tổng số tổ chức có **02 năm** hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

d) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho **tổ chức Hội đồng nhân dân tỉnh** có thành tích xuất sắc trong hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ, có **05 năm** liên tục trở lên được Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh **đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ**. Tỷ lệ xét khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là 60% trên tổng số tổ chức có **05 năm** hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiệm kỳ.

Điều 35. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thành tích đột xuất

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho cá nhân, tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có hành động dũng cảm phòng chống tội phạm, cứu người, bảo vệ tài sản của Nhân dân, của Nhà nước, trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn, bảo vệ an ninh trật tự xã hội; khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn hay trong những hoàn cảnh hiểm nghèo khác; *có nghĩa cử cao đẹp được dư luận xã hội hoan nghênh.*

Điều 36. Bức trướng của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

Bức trướng của Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương nhân kỷ niệm ngày thành lập hoặc ngày truyền thống của ngành, địa phương, đơn vị vào năm tròn (10 năm, 20 năm, 30 năm,...); xây dựng kế hoạch tổ chức lễ kỷ niệm và xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Tỉnh ủy về việc tổ chức lễ kỷ niệm và đề nghị khen thưởng.

Điều 37. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 38. Huân chương các loại

Huân chương các loại thực hiện theo quy định từ Điều 14 đến Điều 33 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 39. Khen thưởng quá trình công hiến và quy định chức danh tương đương để xét khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và quy định tại Khoản 1, Điều 10 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 40. Thẩm quyền quyết định tặng thưởng các hình thức khen thưởng

1. Chủ tịch nước quyết định tặng Huân chương, Huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”, danh hiệu vinh dự Nhà nước.
2. Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng Bằng khen.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng Bằng khen.
4. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp, hợp tác xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định tặng Giấy khen.

Chương V

THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG VÀ MỨC TIỀN KHEN THƯỞNG

Điều 41. Quy định chung về thủ tục, hồ sơ

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh lấy ý kiến Nhân dân trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, Giải thưởng Nhà nước và xử lý thông tin trước khi trình cấp trên khen thưởng.
2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với cá nhân (đồng bào dân tộc ít người, nông dân, công nhân...), tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện để khen thưởng gồm: Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thực hiện.
3. Báo cáo thành tích phải thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và bám sát tiêu chuẩn, điều kiện quy định. Đối với các sáng kiến, giải pháp phải nêu rõ tên đề tài sáng kiến giải pháp, tính mới, phân tích đánh giá hiệu quả và khả năng áp dụng, văn bản công nhận.
4. Những nội dung phải thể hiện trong báo cáo thành tích
 - a) Việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước;

- b) Tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh, nội bộ đoàn kết, nhất trí;
- c) Thực hiện chế độ bảo hiểm cho công nhân và người lao động theo quy định của pháp luật;
- d) Đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm (ghi rõ trích lục văn bản và nội dung xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền).

5. Việc xác nhận nghĩa vụ nộp ngân sách

Đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước, trong báo cáo thành tích phải thể hiện số liệu nộp ngân sách có so sánh với cùng kỳ, hoặc giai đoạn trước, cam kết nộp đúng, nộp đủ và đúng thời hạn; khi trình các hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho tập thể hoặc cá nhân là Thủ trưởng đơn vị, phải có xác nhận của cơ quan thuế về những nội dung sau:

- a) Xác nhận số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký; đối với đơn vị có kiểm toán phải gửi kèm báo cáo kiểm toán trong thời gian từ 05 năm trở lên trước khi đề nghị khen thưởng.
- b) Tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước;
- c) Cam kết đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và nộp đúng thời hạn.

Điều 42. Tuyến trình khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ và một số nội dung sau:

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.
2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách tỉnh, do *Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh* tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.
Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách cấp xã, cấp huyện, do UBND huyện tổng hợp trình lên *Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh* trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.
3. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác Đảng, đoàn thể: Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức và quỹ lương thì cấp đó xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác Đảng, đoàn thể thuộc tỉnh, do cơ quan Đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác Đảng, đoàn thể thuộc *các huyện, thành phố* do cơ quan Đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân *các huyện, thành phố* khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân *các huyện, thành phố* trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

4. Đối với các tổ chức hội

a) *Các tổ chức hội cấp tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.*

b) *Các tổ chức hội cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.*

5. Đối với các tổ chức kinh tế

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng. Đối với quỹ tín dụng nhân dân do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Đối với doanh nghiệp nhà nước: Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc tổ chức được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với doanh nghiệp nhà nước do mình quyết định thành lập hoặc được giao quản lý;

c) Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

d) Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ: Tuyến trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 6 Điều này.

đ) Đối với công ty liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài hoặc 100% vốn đầu tư nước ngoài, trụ sở công ty, doanh nghiệp đóng tại địa phương nào, Chủ tịch Ủy ban nhân dân địa phương đó trình khen thưởng.

6. Cấp nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi tổng kết lựa chọn các đối tượng điển hình thì cấp đó khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, *các huyện, thành phố*, phát động thi đua theo chuyên đề, thi đua theo đợt; chủ yếu sử dụng hình thức khen thưởng của cấp mình. Trường hợp thành tích xuất sắc, tiêu biểu có tác dụng đối với toàn tỉnh thì mới đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen; sơ kết, tổng kết 05 năm trở lên có tác dụng đối với toàn quốc thì đề nghị

Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua, Bằng khen hoặc Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước tặng Huân chương.

7. Một số trường hợp khác thực hiện như sau:

- a) Cụm, khối trưởng trình khen thưởng cho thành viên được cụm, khối bình chọn.
- b) Người Việt Nam định cư, làm việc, học tập ở nước ngoài, người nước ngoài, tổ chức nước ngoài có thành tích đóng góp cho tỉnh do sở, ban, ngành, cơ quan đã trực tiếp làm việc trao đổi thống nhất với các ngành có liên quan và trình khen thưởng.
- c) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trình trình khen thưởng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc.
- d) Liên đoàn Lao động cấp huyện, Công đoàn ngành cấp tỉnh, Công đoàn viên chức cấp tỉnh; Công đoàn Khu công nghiệp, khu chế xuất;... Công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên do Tổng Liên đoàn Lao động xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 43. Quy trình xét khen thưởng năm công tác

1. Tập thể, cá nhân tự đánh giá thành tích, so sánh với chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao và đối chiếu với tiêu chuẩn khen thưởng quy định để đề nghị hình thức khen thưởng.
2. Xét khen thưởng cá nhân trước, tập thể sau, danh hiệu thi đua trước, hình thức khen thưởng sau.
3. Hội đồng xét duyệt sáng kiến xét công nhận sáng kiến, cải tiến, áp dụng công nghệ mới, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu đối với cá nhân có sáng kiến làm cơ sở xét khen thưởng và trình cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.
4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp xét đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trực thuộc và biểu quyết theo nguyên tắc đa số như sau:
 - a) Đối với các danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Đồng Nai”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” đạt từ 90% số phiếu thành viên Hội đồng tán thành trở lên;
 - b) Đối với các hình thức khen thưởng khác có trên 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tán thành.
5. Căn cứ kết quả xét duyệt của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.
6. Thông báo kết quả: Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thông báo bằng văn bản cho đơn vị trình và tập thể, cá nhân đó biết cụ thể lý do.

7. Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân *các huyện, thành phố*, Thủ trưởng các cơ quan đơn vị trên địa bàn chịu trách nhiệm về thủ tục và nội dung hồ sơ khen thưởng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 44. Quy trình xét khen thưởng chuyên đề

1. Cơ quan chủ trì công tác thi đua chuyên đề phối hợp với *Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng)* thẩm định trước khi tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch, chương trình, biện pháp tổ chức phong trào thi đua, sơ kết, tổng kết, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện, thẩm định thành tích xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

2. Chuyên đề thi đua phải được đăng ký thi đua, phát động và triển khai tại cơ quan, đơn vị, địa phương; các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng tiêu chuẩn, quy chế khen thưởng, số lượng đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen và thống nhất trước với *Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng)*.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân *các huyện, thành phố* chủ động xét, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích thực hiện chuyên đề hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu

Điều 45. Quy trình xét khen thưởng thành tích đột xuất

1. Đối với tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Cơ quan, đơn vị có tập thể, cá nhân có thành tích căn cứ vào tiêu chuẩn khen thưởng tại Điều 34 của Quy định này để xét, khen thưởng theo thẩm quyền. Ủy ban nhân dân tỉnh xét, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu có phạm vi ảnh hưởng đối với tỉnh và rộng ra ngoài phạm vi tỉnh;

b) Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp tiếp nhận, thẩm định, trình cấp trên quyết định.

2. Đối với tập thể, cá nhân được Nhân dân hoặc các phương tiện thông tin đại chúng phát hiện, phản ánh.

Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp tiếp nhận, thẩm định thông tin, trình cấp trên quyết định.

3. Đối với những trường hợp đặc biệt (dũng cảm, hy sinh tính mạng cứu tài sản của Nhà nước và Nhân dân): Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tiếp nhận, thẩm định trình trực tiếp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 46. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

Thực hiện theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thi đua - khen thưởng ngành nội vụ tỉnh Đồng Nai.

Điều 47. Hiệp y khen thưởng

1. Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thêm thông tin của các cơ quan liên quan để có thêm căn cứ trước khi trình quyết định khen thưởng.
2. Đối tượng hiệp y là tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và cá nhân là cấp Trưởng của đơn vị cùng cấp phải lấy ý kiến của ngành cấp tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.
3. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng lấy ý kiến hiệp y gồm: “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, Huân chương các loại, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”.
4. Hồ sơ đề nghị hiệp y gồm:
 - a) Công văn đề nghị hiệp y khen thưởng của Thủ trưởng cơ quan;
 - b) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng (có xác nhận, ký tên và đóng dấu của Thủ trưởng cơ quan).

Điều 48. Quy trình xin ý kiến khen thưởng cấp Nhà nước

1. Lấy ý kiến của Nhân dân trên các phương tiện truyền thông đối với các trường hợp trình khen thưởng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, Giải thưởng Nhà nước.
2. *Xin ý kiến thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về các trường hợp trình khen cấp Nhà nước. Tổng hợp ý kiến thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.*
3. *Thực hiện quy trình xin ý kiến theo Quy chế làm việc của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh”.*

Điều 49. Tiền thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Cá nhân, tập thể được khen thưởng ngoài việc được công nhận các danh hiệu thi đua, Cờ thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Giấy khen kèm theo hiện vật khen thưởng; còn được thưởng tiền hoặc hiện vật có giá trị tương đương quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73 và Điều 74 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ theo nguyên tắc:

1. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn.
2. Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân.
3. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất.
4. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.

5. Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

6. Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng thành tích đột xuất được tính trên cơ sở mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định. Mức thưởng cụ thể cho từng trường hợp như sau:

a) Cá nhân được tặng “Huân chương Lao động” hạng Nhất: Được thưởng 30 lần mức lương tối thiểu chung;

b) Cá nhân được tặng “Huân chương Lao động” hạng Nhì: Được thưởng 25 lần mức lương tối thiểu chung;

c) Cá nhân được tặng “Huân chương Lao động” hạng Ba: Được thưởng 20 lần mức lương tối thiểu chung;

d) Cá nhân được tặng “Huân chương Dũng cảm”: Được thưởng 20 lần mức lương tối thiểu chung;

đ) Cá nhân được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”: Được thưởng 10 lần mức lương tối thiểu chung;

e) Cá nhân được tặng “Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh”: Được thưởng 05 lần mức lương tối thiểu chung;

- Đối với tập thể tiền thưởng kèm theo gấp 02 lần tiền thưởng quy định đối với cá nhân.

- Đối với những trường hợp đặc biệt, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh sẽ tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Chương VI

HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 50. Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh

Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 51. Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh

1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh tham mưu, giúp việc cho cấp ủy, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng gồm: Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị là Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng là đại diện tổ chức đoàn thể, một số lĩnh vực chuyên môn cần thiết của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

3. Nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng Thi đua, khen thưởng

a) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

- b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;
 - c) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng;
 - d) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên khen thưởng;
 - đ) Ban hành quy chế làm việc của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.
4. Văn phòng hoặc Phòng Hành chính - Tổng hợp của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh là thường trực của Hội đồng Thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị.
5. Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh hoạt động theo quy chế và quy định của pháp luật.

Điều 52. Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp huyện

1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp huyện là cơ quan tham mưu cho Ban Thường vụ cấp ủy, thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.
2. Thành phần Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp huyện: Hội đồng từ 13 đến 15 thành viên, Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là lãnh đạo Phòng Nội vụ được phân công phụ trách công tác thi đua khen thưởng, các Phó Chủ tịch và thành viên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định.
3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp huyện
 - a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;
 - b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;
 - c) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng;
 - d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên khen thưởng.
4. Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp huyện hoạt động theo quy chế và quy định của pháp luật.
5. Phòng Nội vụ cấp huyện làm nhiệm vụ thường trực của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp huyện.

Điều 53. Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp xã

1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp xã là cơ quan tham mưu cho cấp ủy, thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.
2. Thành phần Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp xã: Hội đồng từ 11 đến 13 thành viên, Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, trong đó các Phó Chủ tịch và thành viên do Chủ tịch Hội đồng quyết định.
3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp xã:
 - a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;
 - b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;
 - c) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng;
 - d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên khen thưởng.
4. Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp xã hoạt động theo quy chế và quy định của pháp luật.
5. Công chức Văn phòng - Thống kê làm nhiệm vụ tham mưu cho Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp xã.

Chương VII

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; HÀNH VI VI PHẠM, XỬ LÝ VI PHẠM; KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 54. Quyền của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Được tham gia các phong trào thi đua do Nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.
2. Được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.
3. Có quyền góp ý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể có đủ thành tích và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.
4. Đề nghị cấp có thẩm quyền không xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, thu hồi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được tặng hoặc khen thưởng không đúng tiêu chuẩn, không đúng thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 55. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.
2. Không góp ý mang tính xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tập thể được dự kiến xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc đã được tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng.
3. Từ chối nhận danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng không xứng đáng với thành tích và không đúng tiêu chuẩn, thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 56. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với cá nhân được khen thưởng

1. Hành vi vi phạm của cá nhân được khen thưởng
 - a) Vi phạm Điều 12 của Quy chế này;
 - b) Cố tình che giấu hành vi vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng;
 - c) Dùng tiền, các lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác nhằm mua chuộc người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng để được khen thưởng;
 - d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào công tác khen thưởng.
2. Hình thức xử lý đối với cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này:
 - a) Bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận;
 - b) Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, người vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;
 - c) Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, người đứng đầu tập thể có hành vi vi phạm Khoản 1 Điều này bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;
 - d) Cơ quan có thẩm quyền công bố trên phương tiện thông tin đại chúng về hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật của cá nhân, tập thể quy định tại các Điểm a, b và c Khoản này.

Điều 57. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với cá nhân và cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng

1. Hành vi vi phạm của cá nhân hoặc tập thể có thẩm quyền trong quá trình thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng:
 - a) Xác nhận sai sự thật về thành tích của cá nhân, tập thể;
 - b) Làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng;

c) Nhận tiền, các lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác để khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng;

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để ra quyết định khen thưởng trái pháp luật;

đ) Không thực hiện đúng quy trình, thủ tục xét khen thưởng theo quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Hình thức xử lý đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này: Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm tại Khoản 1 Điều này tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định khen thưởng

1. Tờ trình của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng đối với từng loại hình khen thưởng cho cá nhân.

2. Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng.

Điều 59. Khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại về:

a) Nhận xét sai sự thật của cấp có thẩm quyền đối với thành tích và khuyết điểm của mình trong hồ sơ, thủ tục, trình cấp có thẩm quyền xét khen thưởng;

b) Cá nhân, cấp có thẩm quyền thực hiện không đúng thủ tục, quy trình trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Cá nhân có quyền tố cáo cấp có thẩm quyền về:

a) Hành vi vi phạm Điều 13 của Quy chế này;

b) Quyết định khen thưởng cho cá nhân, tập thể không đúng tiêu chuẩn, không đúng quy định của pháp luật;

c) Hành vi trù dập cá nhân của cấp có thẩm quyền.

3. Hình thức khiếu nại, tố cáo:

a) Trực tiếp gặp người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng;

b) Gửi văn bản đến người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 60. Giải quyết khiếu nại tố cáo

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VIII

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 61. Quỹ Thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 64 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 62. Nguồn và mức trích quỹ

Thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 63. Sử dụng Quỹ Thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 64. Quản lý Quỹ Thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương IX

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 65. Trao tặng khen thưởng

1. Người có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đó.
2. Người được ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng không được ủy quyền lại.

Điều 66. Tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

1. Việc tổ chức lễ trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 2, 25, 26, 27, 28 Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định việc tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.
2. Công bố quyết định khen thưởng do *Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng)* hoặc đơn vị tổ chức thực hiện.

Điều 67. Mẫu danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và quản lý cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng

1. Mẫu danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, giám đốc sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, giám đốc các doanh nghiệp và tương đương thực hiện theo quy định tại các Điều 30, 31, 32, 33, 36 Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.
2. Việc quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 40, 41, 42, 43 Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 và Điều 1 Nghị định số 101/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu bằng,

khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.

3. Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”; danh hiệu áp, khu phố văn hóa; giấy khen thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thì bằng chứng nhận được sử dụng hình quốc huy in ở chính giữa, các ngành, tổ chức, đơn vị khác thì sử dụng biểu tượng của ngành, tổ chức, đơn vị mình; về họa tiết trang trí hoa văn đường diềm, hình nền của bằng chứng nhận không được giống hoặc tương tự với bằng khen cấp tỉnh, bộ ngành Trung ương, cấp Nhà nước và có kích thước nhỏ hơn bằng khen cấp tỉnh.

Điều 68. Tuyên truyền, phổ biến nhân rộng điển hình tiên tiến

Thực hiện theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 69. Thông báo kết quả khen thưởng

1. Căn cứ Khoản 3, Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP các tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn khen thưởng và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định khen thưởng, *Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng)* thông báo cho đơn vị trình khen biết.

2. Nếu hồ sơ không đúng tuyến trình, *Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng)* phải thông báo và trả hồ sơ cho cơ quan trình khen.

Điều 70. Lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng

1. Các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình và cấp cơ sở theo quy định hiện hành để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng được hưởng chính sách khi có yêu cầu.

2. Căn cứ Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nội vụ quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức:

a) Tập văn bản về thi đua, khen thưởng gửi chung đến các cơ quan (gọi chung là hồ sơ nguyên tắc): Lưu trữ đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành.

b) Hồ sơ xây dựng, ban hành quy chế, quy định, hướng dẫn về thi đua, khen thưởng: Lưu trữ vĩnh viễn.

c) Hồ sơ hội nghị thi đua do cơ quan chủ trì tổ chức: Lưu trữ vĩnh viễn.

d) Kế hoạch, báo cáo công tác thi đua, khen thưởng:

- Dài hạn, hàng năm: Lưu trữ vĩnh viễn.

- 06 tháng, 09 tháng: Lưu trữ 20 năm.

- Quý, tháng: Lưu trữ 5 năm.

đ) Hồ sơ tổ chức thực hiện phong trào thi đua nhân các dịp kỷ niệm: Lưu trữ 10 năm.

e) Hồ sơ khen thưởng cho tập thể, cá nhân:

- Các hình thức khen thưởng của Chủ tịch Nước và Thủ tướng Chính phủ: Lưu trữ vĩnh viễn.

- Các hình thức khen thưởng của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương: Lưu trữ 20 năm.

- Các hình thức khen thưởng của người đứng đầu cơ quan, tổ chức: Lưu trữ 10 năm.

g) Hồ sơ khen thưởng đối với người nước ngoài: Lưu trữ vĩnh viễn.

h) Công văn trao đổi về công tác thi đua, khen thưởng: Lưu trữ 10 năm.

Điều 71. Đào tạo, bồi dưỡng

Thực hiện theo quy định tại Điều 59 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 72. Thanh tra, kiểm tra

Thực hiện theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 73. Hướng dẫn tổ chức, thực hiện Quy chế

1. *Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng)* có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các sở, ban, ngành, các cấp thực hiện Quy chế này và tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp chặt chẽ với tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, hội nghề nghiệp cùng cấp triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này; đẩy mạnh sâu rộng các phong trào thi đua, qua đó phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc để khen thưởng và đề nghị khen thưởng theo đúng quy định.

Căn cứ Quy chế này các đơn vị nghiên cứu hướng dẫn thực hiện chi tiết phù hợp với thực tế đơn vị để thực hiện./.